

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 17/2023/HS-ST

Ngày: 03-4-2023

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Vượng

Ông Trần Trọng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân- Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 28/3/2023 đến ngày 03/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 10/02/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 13/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

Điêu T, sinh năm 1992 tại Bình Phước.

Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: X'tiêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điêu T và bà Thị P; Bị cáo có vợ tên Thị L, sinh năm 1994 và có 02 con là Thị My A, sinh năm 2013 và Điêu Hoàng P, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

- Điêu D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

- Điều Ph, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 1, ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)
- Hoàng L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1B, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)
- Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 5, ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 04/9/2022, Điều T cùng với Điều D, Điều Ph, Hoàng L đi đến quán của anh Nguyễn Văn T, tại tổ 4, ấp Đ, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước để uống rượu và ngồi trong nhà chòi của quán. Khoảng 10h30 phút cùng ngày nhóm của Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Hồng N, Trần Thị Mộng X, Ngô Thị Kim T cũng tới quán và ngồi uống bia, hát Karaoke bên ngoài nhà chòi tại quán nhà anh T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, do trời mưa nên H vào trong nhà để trú mưa và uống bia nhưng ngồi khác bàn với nhóm của T. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Nguyễn Nho N đến uống bia cùng nhóm của T, sau đó N qua bên bàn của H ngồi uống bia giao lưu và rủ H qua bàn N đang ngồi cùng uống bia thì H đồng ý.

Trong quá trình uống bia, do đã uống say và bức tức việc H qua bàn mình ngồi uống bia nên đến khoảng 15 giờ 30 T về nhà cách quán khoảng 300m lấy 01 con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa để ở nhà bếp cầm đến quán của anh T, tại đây T cầm dao đi đến đứng sau lưng H khoảng 0,5 m, chém 02 cái trúng vào cánh tay phải và bàn tay phải H gây thương tích. Lúc này, những người nhậu tại quán đến can ngăn và đưa H đi cấp cứu, còn T đi về nhà, trên đường về T ném con dao trên xuống bờ đập tràn K4 của Trại giam T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 411/2022/TgT ngày 26/10/2022 của T T Pháp y Bình Phước kết luận: Vết thương bàn tay phải đứt gân duỗi ngón IV, V; gãy X bàn V đã phẫu thuật khâu nối gân, xuyên đinh cố định X gãy. Sẹo mu bàn tay phải ngang X bàn IV, V kích thước 5,5x0,2cm. Sẹo cánh tay phải 1/3 trên kích thước 5x0,3cm lồi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 11%.

Vật chứng của vụ án: Con dao bị cáo Điều T dùng gây thương tích cho H, sau đó đã ném xuống đập tràn, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 09/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Điều T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Điều T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Điều T mức hình phạt từ 24 tháng tù đến 28 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Trước đó T và H không có quen biết nhau và không có mâu thuẫn gì nhưng do đã uống rượu bia say nên bức tức việc H qua bàn mình ngồi nhậu chung nên T đã về nhà lấy một con dao dài khoảng 30cm, cán bằng nhựa, sau đó đi đến đứng sau lưng H dùng dao chém 02 cái trúng vào cánh tay phải và bàn tay phải của H, thấy vậy những người có mặt tại quán đến can ngăn và đưa H đi cấp cứu.

[3] Xét lời khai nhận tội của Bị cáo là phù hợp với lời khai của Bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của người bị hại. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Điều T sử dụng hung khí nguy hiểm chém vào vùng tay người bị hại gây ra thương tích có tỷ lệ tổn thương cơ thể 11% cho bị hại Nguyễn Hữu H đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ để gây thương tích 11% cho người bị

hại. Do đó, Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 09/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Điều T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi chém người gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Xét về hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng “Dùng hung khí nguy hiểm và phạm tội có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự, do đó cần thiết xử phạt Bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với Điều D, bị cáo T cho rằng D xúi T về lấy dao chém H nhưng D không thừa nhận, không có người làm chứng, không có gì chứng minh việc D xúi T chém H nên không có cơ sở xử lý hình sự đối với Điều D.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Điều T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng vụ án: Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy, không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Điều T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Điều T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Về vật chứng vụ án: Không thu giữ được nên không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Điều T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;

- VKSND tỉnh Bình phước;

- VKSND huyện H;

- Công an huyện H;

- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;

- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;

- Chi cục THADS huyện H;

- Bị cáo;

- Bị hại;

- Lưu hồ sơ; Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học

